

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2022/DS-PT

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng;

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/12/2020, 18/7/2022 và 29/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2020/TLPT-DS ngày 14/8/2020 về Tranh chấp chia thừa kế;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 404/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Võ Thị Bạch H, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Số nhà 375, đường Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Võ Thanh Tuấn Dũng, sinh năm 1965;

3. Võ Thanh Tuấn Quốc, sinh năm 1967;

4. Võ Thanh Tuấn Tú, sinh năm 1972;

5. Võ Thị Ngọc Dung, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Số nhà 288, đường Bãi Sậy, Phường 8, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

6. Võ Thanh Niên, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số nhà 102/2, đường Lý thường Kiệt (82Bis cũ), Phường 7, quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh.

7. Võ Thị Mỹ Liên, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 47, Đường số 6, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh.

8. Võ Thị Kim Hương, sinh năm 1945 (Chết năm 2015);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Kim Hương:

8.1. Lê Văn Minh, sinh năm 1948 (chồng);

8.2. Lê Minh Nhựt, sinh năm 1974 (con);

8.3. Lê Minh Chương, sinh năm 1976 (con);

8.4. Lê Thị Ngọc Yến, sinh năm 1977 (con);

8.5. Lê Minh Triết, sinh năm 1983 (con);

Cùng địa chỉ: Số nhà 377, đường Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

9. Võ Thị Kim Xuyên, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số nhà 789, đường Phạm Hữu Lầu, Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

10. Nguyễn Thị Ngọc Lang, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Số nhà 288, đường Bãi Sậy, Phường 8, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông Dũng, ông Quốc, anh Tú, chị Dung, ông Niên, bà Liên, bà Lang, bà Xuyên, ông Minh, anh Nhựt, anh Chương, chị Yến và anh Triết là: Bà Ngô Thị Kim Xuyên, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 33-35, Tổ 34, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2014, 23/01/2015, 12/3/2015, 07/01/2016) và bà Võ Thị Nhung, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 159, đường Thiên Hộ Dương, Khóm 2, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2020, ông Niên không ủy quyền cho bà Nhung).

- *Bị đơn*: Võ Thanh N, sinh năm 1929;

Địa chỉ: Số nhà 329, đường Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N là: Bà Võ Thị Thanh T sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà 57/20, đường An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Thanh N là: Luật sư Nguyễn Hoàng Giang – Văn phòng Luật sư Hoàng Giang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê Thị Thanh T, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số nhà 33, đường Trần Quang Diệu, phường Mỹ Phú, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Tiến Luân, sinh năm 1982;

3. Võ Tiến Hùng, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Số nhà 52, đường Lê Anh Xuân, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tô Thanh Trúc, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 07, Khóm 1, Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh Luân, anh Hùng, chị Trúc là: Bà Ngô Thị Kim Xuyên, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 34, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2015, 07/01/2016, 12/11/2018).

5. Võ Thị Kim Tâm, sinh năm 1955 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Hội Trung, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Võ Thanh Toàn, sinh ngày 25/01/2003,

Địa chỉ: Ấp Long Hải, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người đại theo pháp luật của Võ Thanh Toàn là: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lang, sinh năm 1943 (bà nội). Địa chỉ: Số nhà 288, đường Bãi Sậy, Phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Bạch H, ông Võ Thanh Tuấn Dũng, ông Võ Thanh Tuấn Quốc, anh Võ Thanh Tuấn Tú, chị Võ Thị Ngọc Dung, ông Lê Văn Minh, anh Lê Minh Nhựt, anh Lê Minh Chương, chị Lê Thị Thị Ngọc Yến, anh Lê Minh Triết, bà Võ Thị Kim Xuyên và bà Võ Thị Mỹ Liên là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Các Nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho vợ chồng cụ Võ Văn Thông (1913 – 1988) và cụ Võ Thị Lơn (1915 – 2005), tổng diện tích khoảng 18.000m².

Cụ Võ Văn Thông có hai người vợ:

+ Vợ chính thức là cụ Võ Thị Lơn. Cụ Thông và cụ Lơn có 09 người con gồm: 1/Võ Thanh N; 2/Võ Thị Bạch H; 3/Võ Thanh Liêm (Chết năm 1994 có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Lang và 05 người con gồm: Võ Thanh Tuấn Dũng, Võ Thanh Tuấn Quốc, Võ Thanh Tuấn Tú, Võ Thị Ngọc Dung, Võ Thanh Tuấn Anh (Chết năm 2009), có vợ tên Võ Thị Thu Hằng, chết năm 2005, có 01 người con tên Võ Thanh Toàn) và 01 người con ngoài giá thú tên Võ Đông Nam); 4/Võ Thị Kim Hường (Chết ngày 31/7/2015) có chồng là Lê Văn Minh và các con gồm: Lê Minh Nhựt, Lê Minh Chương, Lê Thị Ngọc Yến, Lê Minh Triết; 5/Võ Thanh Niên; 6/Võ Tấn Thành (Chết năm 2003), có vợ tên Lê Thị Thanh T và 03 người con gồm: Võ Thanh Hoàng Uyên, (Chết lúc nhỏ), Võ Tiến Luân, Võ Tiến Hùng; 7/Võ Thị Kim Xuyên; 8/Võ Thanh Minh (1954 – 1973, không vợ con); 9/Võ Thị Mỹ Liên.

+ Vợ thứ của cụ Thông là cụ Bạch Thị Đạm (1915– 2005), cụ Thông và cụ Đạm có 01 người con tên bà Võ Thị Kim Tâm.

Năm 1988, cụ Võ Văn Thông chết. Đến 10/9/1990, cụ Lơn thực hiện

theo di nguyện của cụ Thông làm tờ tương phân chia đất cho các con, cụ thể như sau:

1. Ông Võ Thanh N: Phần liếp trên bao ngạn và ao cá nằm ngay sau nhà.
2. Ông Võ Thanh Liêm: Một phần liếp trên bao ngạn, thêm một liếp nhỏ nằm trong bao ngạn và con mương nằm giữa hai liếp.
3. Võ Thanh Niên: Từ Đông sang Tây nhận liếp thứ hai và con mương ngay sát liếp nhỏ của ông Liêm.
4. Ông Võ Tấn Thành: Nhận phần liếp thứ ba (trong bao ngạn) và con mương ngay sát liếp nhỏ của ông Niên.
5. Bà Võ Thị Bạch H: Từ Đông sang Tây nhận liếp thứ tư và con mương ngay sát liếp thứ ba của ông Thành; hồ sen: Nửa phần hồ thuộc đất của bà H, nửa phần hồ thuộc đất của ông Thành.
6. Bà Võ Thị Kim Hương: Từ Đông sang Tây nhận liếp thứ năm (trong bao ngạn) và con mương ngay sát liếp thứ tư của bà H.
7. Võ Thị Kim Xuyên: Phần liếp trên bao ngạn và vòng qua phần liếp cũng nằm trên bao ngạn chạy ngay sát nhà Hai Bùi, một phần tiếp giáp với phần liếp của bà N, một đầu liếp giáp liếp của ông Liêm.
8. Võ Thanh Minh: Phần liếp nằm ngoài bao ngạn (hướng Tây) có trồng hàng trâm bầu giáp ranh Tư Bảo. Năm 1973, ông Minh chết, phần đất của ông Minh chuyển sang phần hương hỏa để thờ cúng.
9. Võ Thị Mỹ Liên: Phần liếp ngoài bao ngạn (hướng Nam) một đầu liếp tiếp giáp với liếp của ông Minh, một đầu tiếp giáp đất của ông Hai Bùi.

Phần hương hỏa gồm các bất động sản như nhà, tài sản trong nhà, ao cá (phía bên phải căn nhà), phần đất từ mé sông (Rạch Long Sa) đến ao cá phía sau nhà và toàn bộ diện tích đất 03 công ruộng nằm sát nhà Hai Bùi. Phần đất hương hỏa giao cho Trưởng nam là Võ Thanh N trông coi, chăm sóc phần hương hỏa và thờ cúng ông bà.

Phần đất còn lại là 01 liếp nằm ngoài bao ngạn, tính từ nhà Hai Bùi đến nhà Kim Xuyên, phần này không chia, để cho con cháu cất nhà khi cần, giao cho người trông coi hương quả trông nom.

Quá trình sử dụng đất, ông N đã nhập đất hương hỏa và đất được cha mẹ

cho vào sử dụng chung và đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 1996, ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 12.031m² đất bao gồm đất được cho và đất hương hỏa. Sau đó, diện tích đất này được quy hoạch mở rộng Trường Đại học Đồng Tháp.

Năm 2012, UBND thành phố C ban hành quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 và quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 thu hồi của Võ Thanh N diện tích đất 15.757,2m², bồi thường tiền là 4.322.421.597 đồng.

Năm 2014, các Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia số tiền bồi thường nêu trên trừ đi phần đất ông N được cho diện tích là 827,5m². Còn lại chia cho mỗi phần thừa kế là 478.027.000 đồng.

Năm 2017, UBND thành phố C ban hành quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 về việc điều chỉnh một phần quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 thu hồi của hộ Võ Thanh N diện tích đất 11.141,5m², tiền bồi thường là 3.314.2014.400 đồng, trả lại cho hộ ông N diện tích 4.615,7m².

Trong tổng số tiền nhà nước bồi thường có: Tiền bồi thường hỗ trợ về đất là: 2.381.601.672 đồng; trừ diện tích đất của ông N được bồi thường là 827,2m² (đất được cha mẹ cho theo tờ tương phân), thành tiền là 107.536.000 đồng; trừ bồi thường tài sản trên đất là 252.704.072 đồng; trừ tiền hỗ trợ khác là 33.165.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.988.196.600 đồng các Nguyên đơn yêu cầu chia thành 11 phần, mỗi phần là 180.745.145 đồng. Trong đó, bà Võ Thị Bạch H, ông Võ Thanh Niên, bà Võ Thị Kim Xuyên, bà Võ Thị Mỹ Liên mỗi người một phần. Các con của ông Liêm một phần. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hường một phần. Ông Võ Thanh N 05 phần, trong đó 01 phần của ông N được thừa kế, 01 phần thờ cúng ông bà, 01 phần công sức cải tạo và gìn giữ phần đất hương hỏa của ông N, 01 phần thờ cúng ông Minh và 01 phần thừa kế của ông Thành do anh Luân và anh Hùng nhường lại cho ông N.

Bà Võ Thị Kim Xuyên rút yêu cầu khởi kiện đối với 346,3m² đất thuộc một phần thừa 359, tờ bản đồ số 04, tại Tổ 7, Khóm 1, Phường 6, thành phố C.

Các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế trong phạm vi số tiền Nhà nước bồi thường nêu trên và yêu cầu chia thừa kế sau khi ông N khiếu nại Ủy ban về việc thu hồi, bồi thường đất có phát sinh thêm.

Các nguyên đơn đồng ý giao cho ông Võ Thanh N và ông Võ Thanh

Niên đại diện anh, em trong gia đình quản lý căn nhà thờ và quản lý, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.615,7m² (Đo đạc thực tế là 4.638,5m²) để sử dụng cho việc thờ cúng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lang rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Võ Thanh N trình bày:

Ông thống nhất mọi quan hệ thừa kế cụ Võ Văn Thông và cụ Võ Thị Lon như các nguyên đơn trình bày.

Các Nguyên đơn yêu cầu chia tiền trong giai đoạn này là không hợp lý. Trên thực tế, ông vẫn chưa thỏa thuận xong với bên quy hoạch và chưa nhận tiền liên quan đến quy hoạch. Tờ tương phân của cụ Lon năm 1990 là văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của cha mẹ để lại. Đây là văn bản hợp pháp và là tiền đề để Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho tất cả các bên liên quan. Với tờ tương phân này, cụ Lon đã hợp các con phân chia đất đai bằng văn bản. Tám người con đã nghe rõ và đồng ý ký tên nhận phần đất được chia. Văn bản được lập có người của tộc họ làm chứng và được Chính quyền xác nhận. Việc đòi chia lại, phủ nhận chữ ký của chính mình là không hợp lý.

Các Nguyên đơn cho rằng việc mua đất của ông là không đủ chứng cứ chứng minh là không hợp lý. Bởi vì, ông mua đất có 3 người làm chứng là ông Hồ Trần Hiệp, ông Lý Văn Kiệt và ông Võ Văn Đực. Ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy có chủ quyền do luật pháp thừa nhận. Việc yêu cầu chứng minh mua đất là không cần thiết.

Các Nguyên đơn đồng ý diện tích đất Nhà nước trả lại 4.615,7m² (đo đạc thực tế là 4.638,5m²) và nhà ở cho gia đình để làm đất thờ cúng là không thích hợp mà là đất của ông.

Do công sức và tiền của ông đã hết lòng cùng cha mẹ xây dựng, duy trì gia đình và giúp cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc từng đứa em từ tuổi ăn học, đến thành gia, lập thất nên cha mẹ đã để lại phần đất cho ông nhiều hơn. Đất đai mỗi người đã có riêng một phần hợp pháp do cha mẹ cho. Nếu các Nguyên đơn muốn chia, ông có thể xem xét cho các Nguyên đơn, nhưng phải thỏa mãn các nguyên tắc sau:

Ông chia đất lại với tư cách hợp pháp của một “người chủ sở hữu đất đai”. Không phải là đất đồng thừa kế, những phần đất thuộc sở hữu của ông

không thể đem chia đều.

Diện tích $6.060,4\text{m}^2$ đất của ông mua từ năm 1962 bao gồm $4.615,7\text{m}^2$ đất Nhà nước trả lại, cộng thêm $1.445,2\text{m}^2$ ($6.060,4\text{m}^2 - 4.615,2\text{m}^2 = 1.445,2\text{m}^2$) đất đang nằm trong quy hoạch phải trả lại cho ông trước khi chia.

Đất được quy hoạch trả lại là do kết quả khiếu nại của ông. Do vậy, nhà và đất này là thuộc sở hữu, chủ quyền của ông. Đất cha mẹ đã chia cho ông Võ Thanh Minh $827,5\text{m}^2$ là theo di nguyện của cha mẹ, thuộc phần thờ cúng, cũng không được chia đều. Tiền quy hoạch đền bù di dời mồ mả và đền bù H màu.... trên phần đất gốc của ai, người ấy sẽ tự hưởng. Tiền phân chia chỉ đơn thuần là tiền đất chung của 8 người. Không tính phần đất ông mua và đất của ông Võ Thanh Minh.

Năm 2010, nhà thờ bị xuống cấp trầm trọng nên ông sửa chữa nhà, chi phí sửa nhà do ông đóng góp nhiều, các em cũng có đóng góp một phần nhỏ. Tiền, công sức giữ nhà, xây sửa nhà, cải tạo đất, cải tạo vườn cây đều do gia đình ông chủ động thực hiện. Các Nguyên đơn đòi chia đều và đòi đồng sở hữu và giao cho ông quản lý là không thể chấp nhận được.

Vào ngày 21/4/2016, Hội đồng giải quyết khiếu nại có đến tại phần đất của ông để cắm mốc xác định để chữa lại phần đất cho gia đình ông và vụ việc đang trình cấp có thẩm quyền chờ kết quả cuối cùng.

Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Thanh T, ông Võ Tiến Luân, ông Võ Tiến Hùng trình bày:

Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, từ chối nhận di sản thừa kế và đồng ý giao phần di sản được hưởng cho ông N được sở hữu; đồng ý giao cho ông N đại diện anh, em trong gia đình quản lý căn nhà thờ và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $4.615,7\text{m}^2$ (đo đạc thực tế là $4.638,5\text{m}^2$) để sử dụng cho việc thờ cúng; không khiếu nại tranh chấp yêu cầu chia thừa kế khi có phát sinh thêm tiền bồi thường (nếu có).

+ Bà bà Tô Thanh Trúc trình bày:

Trước đây, bà có cùng với bà Võ Thị Kim Xuyên sử dụng căn nhà xây dựng trên phần đất diện tích $346,3\text{m}^2$ thuộc một phần thừa 359, tờ bản đồ số 04, tại tổ 7, khóm 1, phường 6, thành phố C nhưng hiện nay căn nhà không

còn, nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất này, không có ý kiến, không có yêu cầu chia thừa kế đối với nhà, đất và tiền bồi thường thuộc di sản cụ Thông và cụ Lon.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ông Võ Thanh N được nhận và tiếp tục quản lý số tiền bồi thường là 2.381.601.672 đồng trong đó di sản dùng vào việc thờ cúng là số tiền 1.988.196.600 đồng; được quản lý, sử dụng nhà và phần đất diện tích 4.615,7m² (đo đạc thực tế là 4.638,5m²), thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Số tiền bồi thường hiện nay do Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp đang quản lý.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ mốc, bản đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Ông Võ Thanh N được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất bổ sung đối với phần đất di sản dùng vào việc thờ cúng diện tích 1.614.8m² và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Lang, bà Lê Thị Thanh T, ông Võ Tiến Luân và ông Võ Tiến Hùng về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thông và cụ Lon để lại.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Xuyên về việc yêu cầu được sử dụng phần đất diện tích 346,3m² thuộc một phần thửa 359, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/7/2020 bà Võ Thị Bạch H, ông Võ Thanh Tuấn Dũng, ông Võ Thanh Tuấn Quốc, anh Võ Thanh Tuấn Tú, chị Võ Thị Ngọc Dung, ông Lê Văn Minh, anh Lê Minh Nhựt, anh Lê Minh Chương, chị Lê Thị Thị Ngọc Yến, anh Lê Minh Triết, bà Võ Thị Kim Xuyên, bà Võ Thị Mỹ Liên kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận chia thừa kế theo yêu cầu của các Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của bà Võ Thị Bạch H, anh Võ Thanh Tuấn Dũng, anh Võ Thanh Tuấn Quốc, anh Võ Thanh Tuấn Tú, chị Võ Thị Ngọc Dung, bà Võ Thị Mỹ Liên, ông Lê Văn Minh, anh Lê Minh Nhựt, anh Lê Minh Chương, chị Lê Thị Ngọc Yến, anh Lê Minh Triết, bà Võ Thị Kim Xuyên. Sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên án để giải quyết đúng toàn diện vụ án và đảm bảo thi hành án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét “Tờ tương phân ruộng đất” ngày 10/9/1990 thể hiện nội dung cụ Lon thay lời di nguyện của cụ Thông phân chia cho các con gồm Võ Thanh N, Võ Thanh Liêm, Võ Thanh Niên, Võ Tấn Thành, Võ Thị Bạch H, Võ Thị Kim Hường, Võ Thị Kim Xuyên, bà Võ Thị Mỹ Liên, Võ Thanh Minh mỗi người một phần đất. Tuy không thể hiện diện tích nhưng có nêu vị trí cụ thể và các ông, bà đều đã nhận đất theo Tờ tương phân, sử dụng đến khi Nhà nước quy hoạch mở rộng Trường Đại học Đồng Tháp, được bồi thường và đã nhận tiền xong, chỉ có ông N là không đồng ý còn khiếu nại nên chưa nhận tiền bồi thường. Phần đất còn lại theo Tờ tương phân là đất hương hỏa gồm đất nhà, đất ao cá, đất xung quanh nhà, 03 công đất ruộng và phần đất ông Võ Thanh Minh được cho cũng nhập vào đất hương hỏa để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ngoài ra, theo Tờ tương phân còn một liếp đất nằm ngoài bao ngạn không chia

cho ai, dành để các cháu cất nhà khi cần và giao cho ông Võ Thanh N là con trai trưởng chịu trách nhiệm quản lý, trông coi, chăm sóc, thờ cúng ông bà, tổ tiên và giữ mối đoàn kết gia tộc.

[2] Các Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thông và cụ Lon chết để lại là số tiền được bồi thường theo quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố C là 2.381.601.672 đồng, trừ giá trị diện tích đất ông N được cha mẹ cho theo “Tờ tương phân ruộng đất” ngày 10/9/1990 là 827,2m² tương đương số tiền 107.536.000 đồng; trừ tiền bồi thường tài sản trên đất là 252.704.072 đồng và hỗ trợ khác là 33.165.000 đồng, còn lại số tiền 1.988.196.600 đồng được chia làm 11 phần thừa kế, mỗi phần là 180.745.145 đồng. Trong đó bà Võ Thị Bạch H, ông Võ Thanh Niên, bà Võ Thị Kim Xuyên, bà Võ Thị Mỹ Liên mỗi người một phần. Các con của ông Liêm một phần. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hương một phần. Ông Võ Thanh N 05 phần, trong đó 01 phần thừa kế của ông N, 01 phần thờ cúng ông bà, 01 phần công sức cải tạo, gìn giữ phần đất hương hỏa, 01 phần thờ cúng ông Minh và phần thừa kế của ông Thành do ông Luân và ông Hùng nhường lại cho ông N.

[3] Xét thấy, “Tờ tương phân ruộng đất” ngày 10/9/1990 được các đồng thừa kế của cụ Thông và cụ Lon đều thống nhất xem đây là di chúc của cụ Thông và cụ Lon và cũng đã thực hiện theo Tờ tương phân này. Do phần đất này bị quy hoạch để mở rộng Trường đại học Đồng Tháp và bị Nhà nước thu hồi diện tích 11.141,5m², bồi thường tiền là 2.381.601.672 đồng. Trong đó, tiền đất là 2.095.732.600 đồng, tài sản trên đất là 252.704.072 đồng, hỗ trợ khác là 33.165.000đ, phần đất còn lại là 4.638,5m². Quá trình quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng, ông N thực hiện đúng theo “Tờ tương phân ruộng đất” ngày 10/9/1990 và làm tròn trách nhiệm người quản lý di sản và người thờ cúng nên việc các Nguyên đơn yêu cầu chia di sản dùng vào việc thờ cúng cũng như phần đất nằm ngoài bao ngân dành để các cháu cất nhà khi cần (Đã chuyển hóa thành tiền) là không đúng với nội dung Tờ tương phân ngày 10/9/1990, không phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc dù, phần đất nêu trên đã được bồi thường bằng tiền nhưng vẫn phải sử dụng theo đúng nội dung đã được xác định tại tờ tương phân ngày 10/9/1990 và tiếp tục giao cho ông N quản lý, sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng đối với số tiền 1.988.196.600 đồng, nhà và diện tích đất 4.638,5m², thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 04, tại

Phường 6, thành phố C mới phù hợp quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của các Nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Bạch H, anh Võ Thanh Tuấn Dũng, anh Võ Thanh Tuấn Quốc, anh Võ Thanh Tuấn Tú, chị Võ Thị Ngọc Dung, bà Võ Thị Mỹ Liên, ông Lê Văn Minh, anh Lê Minh Nhựt, anh Lê Minh Chương, chị Lê Thị Ngọc Yến, anh Lê Minh Triết, bà Võ Thị Kim Xuyên. Sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên án để giải quyết đúng toàn diện vụ án và đảm bảo thi hành án là có căn cứ được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các Nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng để thuận tiện cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 638, Điều 639, Điều 670 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 100 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Bạch H, ông Võ Thanh Tuấn Dũng, ông Võ Thanh Tuấn Quốc, anh Võ Thanh Tuấn Tú, chị Võ Thị

Ngọc Dung, ông Lê Văn Minh, anh Lê Minh Nhựt, anh Lê Minh Chương, chị Lê Thị Thị Ngọc Yến, anh Lê Minh Triết, bà Võ Thị Kim Xuyên và bà Võ Thị Mỹ Liên.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn.

4. Ông Võ Thanh N được nhận số tiền bồi thường là 2.381.601.672 đồng trong đó di sản dùng vào việc thờ cúng là 1.988.196.600 đồng và được quyền quản lý, sử dụng, 4.638,5m² đất (Gồm 300m² đất ở đô thị và 4.338,5m² đất trồng cây lâu năm) trong phạm vi các mốc A, 1, 2, 3, 4, 5, 6, B, A thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 04, tại Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và ngôi nhà có trong diện tích đất nêu trên để dùng vào việc thờ cúng theo “Tờ tương phân ruộng đất” ngày 10/9/1990 (Số tiền bồi thường do Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; Sơ đồ mốc, Bản đồ đo đạc ngày 07/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Ông Võ Thanh N được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất đối với phần đất dùng vào việc thờ cúng nêu trên và chịu các khoản phí theo quy định của pháp luật (Nếu có).

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Lang, bà Lê Thị Thanh T, ông Võ Tiến Luân và ông Võ Tiến Hùng về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thông và cụ Lơn để lại.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Xuyên về việc yêu cầu được sử dụng phần đất diện tích 346,3m² thuộc một phần thửa 359, tờ bản đồ số 04, đất tại Phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Các Nguyên đơn tự nguyện chịu 8.026.000 đồng (Đã nộp xong).

8. Về án phí:

- Anh Lê Minh Nhựt, anh Lê Minh Chương, chị Lê Thị Ngọc Yến, anh Lê Minh Triết liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ

vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0007018 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C; Bà Võ Thị Ngọc Dung, ông Võ Thanh Tuấn Tú, ông Võ Thanh Tuấn Quốc và ông Võ Thanh Tuấn Dũng mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo các biên lai số 0007014, 0007015, 0007016, 0007017 cùng ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

- Bà Võ Thị Bạch H được nhận lại 6.560.500 đồng (Trong số tiền 11.560.500 đồng trừ 5.000.000 đồng đã nhận theo Quyết định số 04/2015/QĐST-DS ngày 20/3/2015) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 025466 ngày 01/8/2014 và 5.442.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 033914 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

- Ông Võ Thanh Tuấn Dũng, ông Võ Thanh Tuấn Quốc, ông Võ Thanh Tuấn Tú, bà Võ Thị Ngọc Dung được nhận lại 6.560.500 đồng (Trong số tiền 11.560.500 đồng trừ 5.000.000 đồng đã nhận theo Quyết định số 04/2015/QĐST-DS ngày 20/3/2015) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 025473 ngày 04/8/2014 và 1.814.000 đồng theo biên lai số 033913 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

- Ông Võ Thanh Tuấn Dũng, ông Võ Thanh Tuấn Quốc, ông Võ Thanh Tuấn Tú, bà Võ Thị Ngọc Dung mỗi người được nhận lại 1.553.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0002305, 0002307, 0002308, 0002309 cùng ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C Đồng Tháp.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Kim Hường gồm ông Lê Văn Minh, ông Lê Minh Nhựt, ông Lê Minh Chương, bà Lê Thị Ngọc Yến, ông Lê Minh Triết được nhận lại 6.560.500 đồng (Trong số tiền 11.560.500 đồng trừ 5.000.000 đồng đã nhận theo Quyết định số 04/2015/QĐST-DS ngày 20/3/2015) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 025474 ngày 04/8/2014 và 5.442.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 033915 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Ông Võ Thanh Niên được nhận lại 6.560.500 đồng (Trong số tiền 11.560.500 đồng trừ 5.000.000 đồng đã nhận theo Quyết định số 04/2015/QĐST-DS ngày 20/3/2015) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 025467 ngày 01/8/2014 và số tiền 5.442.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 033916 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Bà Võ Thị Kim Xuyên được nhận lại 6.560.500 đồng (Trong số tiền 11.560.500 đồng trừ 5.000.000 đồng đã nhận theo Quyết định số 04/2015/QĐST-DS ngày 20/3/2015) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 025463 ngày 01/8/2014, 5.442.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 033917 ngày 25/6/2015 và 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04796 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Bà Võ Thị Mỹ Liên được nhận lại 6.560.500 đồng (Trong số tiền 11.560.500 đồng trừ 5.000.000 đồng đã nhận theo Quyết định số 04/2015/QĐST-DS ngày 20/3/2015) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 025472 ngày 04/8/2014 và 5.442.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 033918 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lang được nhận lại 3.174.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 033912 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Bà Lê Thị Thanh T được nhận lại 6.174.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 030857 ngày 05/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Ông Võ Tiến Luân và ông Võ Tiến Hùng mỗi người được nhận lại 3.087.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 030856, 030858 cùng ngày 05/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt